

CÔNG TY CỔ PHẦN VNAS WORKSHOP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VNAS WORKSHOP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNAS WORKSHOP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VNAS WORKSHOP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109687775

3. Ngày thành lập: 30/06/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Điểm công nghiệp Di Trạch , Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912244005

Fax:

Email: info@vnas.com.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
2.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
3.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...; - Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...;	7120
4.	Quảng cáo	7310
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
7.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
8.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư	6619
9.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng	8559
10.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh tem, súng đạn, tiền kim khí)	4773
11.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
12.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
13.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

14.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
15.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Xây dựng, mua, nhận chuyển nhượng để bán, chuyển nhượng; cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản (khoản 1 điều 3, Luật kinh doanh bất động sản năm 2014).	6810
16.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn mang tính chất pháp lý, trừ hoạt động đấu giá). Chi tiết: tư vấn bất động sản (khoản 8 điều 3, Luật kinh doanh bất động sản năm 2014); môi giới bất động sản (khoản 2 điều 3, Luật kinh doanh bất động sản năm 2014).	6820
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; lắp đặt các loại cửa tự động; lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
20.	Bán buôn tổng hợp	4690
21.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng	7110
23.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - hoạt động thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
24.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
25.	Đúc sắt, thép	2431
26.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012

27.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: - Sản xuất máy bơm không khí hoặc chân không, máy nén khí và gas khác; - Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo; - Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô - Sản xuất vòi và van công nghiệp, bao gồm van điều chỉnh và vòi thông; - Sản xuất vòi và van vệ sinh; - Sản xuất vòi và van làm nóng; - Sản xuất máy bơm tay	2813
28.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
29.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
30.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
31.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
32.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất linh kiện và máy móc thiết bị dùng trong công nghiệp và văn phòng; - Sản xuất linh kiện, thiết bị cho máy công nghiệp, máy văn phòng;	2819
33.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
34.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
35.	Sản xuất máy luyện kim	2823
36.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
37.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
38.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
39.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
40.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
41.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
42.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
43.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
44.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
45.	Xây dựng nhà để ở	4101
46.	Xây dựng nhà không để ở	4102
47.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
48.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
49.	Xây dựng công trình thủy	4291
50.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
51.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
52.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
53.	Phá dỡ	4311
54.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế (trừ răng giả và kính thuốc) - Bán buôn các loại máy công cụ, dụng cụ cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. –bán buôn phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy (Theo điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ – CP ngày 24 tháng 11 năm 2020)	4659
58.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
59.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
60.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
61.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
62.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
63.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
64.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
65.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
66.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	4933
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
68.	Xuất bản phần mềm	5820
69.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn kỹ thuật sản xuất trong lĩnh vực cơ khí và tự động hóa; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ - Tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý)	7490
70.	Cho thuê xe có động cơ	7710
71.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
72.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
73.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Sửa chữa máy vi tính để bàn, máy tính xách tay; thiết bị ngoại vi	9511
74.	Xây dựng công trình điện	4221
75.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
76.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

77.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
78.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
79.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
80.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
81.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
82.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
83.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
84.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ hoạt động của các đấu giá viên); Môi giới mua bán hàng hóa	4610
85.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
86.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn dao, kéo; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh; - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
87.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi; Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	4931
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229
89.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
90.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
91.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
92.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
93.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
94.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
95.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

96.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
97.	Bán buôn thực phẩm	4632
98.	Bán buôn đồ uống	4633
99.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
100.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
101.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
102.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
103.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
104.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
105.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
106.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
107.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
108.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
109.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320(Chính)
110.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
111.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
112.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, véc ni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su;	4663
113.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
114.	Đào tạo sơ cấp	8531
115.	Đào tạo trung cấp	8532
116.	Đào tạo cao đẳng	8533

117.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Theo Điều 28 Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005)	8299
118.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
119.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
120.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
121.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
122.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
123.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
124.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
125.	Đúc kim loại màu	2432
126.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
127.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
128.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
129.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
130.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
131.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: - Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại - Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm	2732
132.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
133.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
134.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
135.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,... (trừ những loại hóa chất nhà nước cấm)	4669
136.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
137.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
138.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
139.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211

140.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
141.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
142.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
143.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm các hoạt động thuộc đối tượng điều chỉnh của nghị định số 55/2013 của chính phủ, các hoạt động cho thuê lại lao động, thuê lại lao động, hoạt động khác liên quan đến thuê lại lao động)	7830
144.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
145.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm quầy bar, karaoke, vũ trường, massage, xoa bóp, bấm huyệt, day huyệt, vật lý trị liệu, xông hơi, xông hơi thuốc, hành nghề y học cổ truyền)	5630
146.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
147.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
148.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
149.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
150.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
151.	Hoạt động viễn thông khác	6190
152.	Lập trình máy vi tính	6201

6. Vốn điều lệ: 19.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIỆT NAM AUTO SOLUTIONS	Số Nhà 16 Ngách 53/59/50 Đường Ngọa Long, Phường Minh Khai, Quận Bắc Tùng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.235.0 00	12.350.000.000	65,000	0108326399	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.235.0 00	12.350.000.000	65,000		
2	MAI VĂN TIỀN	Số Nhà 16 Ngách 53/59/50 Đường Ngọa Long, Phường Minh Khai, Quận Bắc Tùng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	627.000	6.270.000.000	33,000	0380870115 59	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	627.000	6.270.000.000	33,000		

3	LẠI VIẾT TRUNG	Xóm 8, Xã Nam Vân, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.000	380.000.000	2,000	162931235	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	38.000	380.000.000	2,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LẠI VIẾT TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/04/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 162931235

Ngày cấp: 22/02/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: Xóm 8, Xã Nam Vân, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 1810, tòa B, chung cư Intracom Riverside, thôn Ngọc Chi, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội